TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 28/2020/DS - ST
- Ngày: 30 - 9 - 2020
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách.**
- Các Hội Thẩm Nhân Dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**;

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Trần Thị Huyền Trang** - *Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Lâm Sển** - *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc " *Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản* ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-DS, ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Anh **Diệp Hoài V**, sinh năm: 1986;

1.2. Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp An Th, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp An B, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm: 1979;

3.2. Bà **Lý Thị Ph**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp An Th, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3.3 Bà **Lê Thị H**, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp An B, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh V, chị Th, bà Ph, ông H có mặt tại phiên tòa; Ông Đ bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn anh Diệp Hoài V và chị Phạm Thị Th trình bày*:** Vào tháng 6 năm 2018(âm lịch), vợ chồng anh chị có thỏa thuận thuê đất của ông Lệ Văn Đ 02 bang đất rẫy, diện tích là khoảng 10 công tầm lớn tại ấp An B, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, thỏa thuận giá thuê là 20.000.000đ/năm, thời hạn thuê là 4 năm bằng số tiền là 80.000.000đ nhưng ông Đ nói sẽ bớt cho vợ chồng anh chị 5.000.000đ tiền múc xình nên ông Đ chỉ lấy có 75.000.000đ(bảy mươi lăm triệu đồng). Sau khi thỏa thuận thuê vợ chồng tôi đã thanh toán tiền đủ cho ông Đ bằng 03 lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) đưa tại nhà ông Đ không có ai chứng kiến và cũng không có làm biên nhận.

- Lần thứ hai: Đưa 15.000.000đ để trả nợ cho vợ ông L ở ấp An Th.

- Lần thứ ba: đưa 20.00.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) lần này ông Đ tự xuống nhà vợ chồng tôi lấy không có làm biên nhận và cũng không ai chứng kiến.

Tổng cộng vợ chồng anh chị đưa cho ông Đ số tiền là 75.000.000đ.

Sau khi thuê vợ chồng anh chị đã thuê nhân công vào cải tạo, chăm sóc hoa màu, cây cối trên đất cho tốt nhằm để thu hoạch. Tổng cộng số tiền mà vợ chồng anh chị bỏ ra để thuê là 20.500.000đ (hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Chi phí vợ chồng anh ch thuê người làm thì vợ chồng anh chị không có biên nhận, không có giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến nên vợ chồng anh không có gì chứng nhưng có vợ chồng ông H, bà Ph thừa nhận có làm cho vợ chồng anh là thật.

Đến khoảng tháng 12 năm 2018 (AL) thì ông Đ tự ý bán cây cau trên đất mà vợ chồng anh chị đang thuê cho người khác (bán khoảng 20 cây) khi vợ chồng anh chị phát hiện thì ông Đ có qua nhà vợ chồng anh chị xin lỗi và khắc phục bằng cách sẽ tăng thời hạn thuê cho vợ chồng anh chị thêm 1 năm mà không lấy tiền, vợ chồng anh chị cũng thống nhất và đồng ý theo ý kiến của ông Đ. Sau đó vợ chồng anh chị lấy giấy ra viết Giấy thuê đất cho ông Đ ký vào, trong giấy thuê đất ghi thời hạn thuê là 05 năm thời gian từ tháng 06 năm 2018 đến tháng 6 năm 2023 (Âm lịch), thời gian thuê đất này là có cộng 01 năm ông Đ bồi thường cho vợ chồng anh chị, tổng cộng vợ chồng anh chị đã thuê đất của ông Đ là 5 năm.

Vợ chồng anh chị canh tác chăm sóc hoa màu, cây cối trên đất chưa được thu hoạch thì đến đầu năm 2019 (dương lịch) thì ông Đ cho xe cuốc vào cuốc đất làm

hư hỏng hoa màu, cây cối của vợ chồng anh chị chăm sóc chưa được thu hoạch. Lúc đó ông Đ nói ông Đ sẽ lấy 01 bang đất bán cho người khác, Đ sẽ bồi thường cho vợ chồng anh chị số tiền 75.000.000đ nhưng vợ chồng anh chị không đồng ý nên yêu cầu ấp hòa giải nhưng không thành, hiện tại phần đất của ông Đ thì ông Đ đã lấy lại sử dụng rồi.

Nay ông Đ đã lấy đất lại xem như ông Đ đã hủy hợp đồng thuê nên vợ chồng anh chị yêu cầu ông Đ trả lại cho anh chị số tiền thuê đất là 100.000.000đ và tiền vợ chồng anh chị thuê người chăm sóc cây cối, hoa màu, cải tạo đất số tiền là 20.500.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay vợ chồng anh V, chị Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thuê đất 25.000.000đ, vợ chồng anh V chỉ yêu cầu ông Đ trả cho vợ chồng anh chị số tiền thuê đất 75.000.000đ và tiền thuê người cải tạo đất là 20.500.000đ, tổng cộng là 95.500.000đ (chín mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

- *Tại phiên tòa hôm nay anh V, chị Th yêu cầu:* Yêu cầu ông Lê Văn Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị tổng cộng số tiền là 95.500.000đ, trong đó tiền thuê đất là 75.000.000đ, tiền chi phí bỏ ra để thuê người chăm sóc hoa màu, cây cối và cải tạo đất là 20.500.000đ, tổng cộng là 95.500.000đ (chín mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thuê đất 25.000.000đ.

2. Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Trước tháng 6 năm 2018 (âm lịch) ông có cho vợ chồng anh V, chị Th thuê 02 bang đất, mỗi lần là 1 năm, giá thuê mỗi năm là 20.000.000đ. Đến tháng 6 năm 2018 (Al) ông tiếp tục cho vợ chồng anh V, chị Th tiếp tục thuê nữa, diện tích khoảng 10 công tầm cắt, để vợ chồng anh V, chị Th hưởng hoa lợi hoa màu, cây trái trên đất thời hạn 04 năm với giá một năm là 20.000.000đ, không có làm hợp đồng và giấy tay. Tổng giá trị thuê là 80.000.000đ nhưng tôi chỉ lấy 75.000.000đ do ông bớt cho vợ chồng anh V 5.000.000đ tiền múc xìn. Sau khi thỏa thuận giá thuê thì anh V đưa tiền cho ông 03 lần:

- Lần thứ nhất 40.000.000đ lấy ở nhà tôi,
- Lần thứ hai 15.000.000đ lấy tiền để trả nợ cho vợ ông L ở ấp An Th.
- Lần thứ 3 đưa 20 triệu đồng, tôi trực tiếp xuống nhà anh V lấy.

Cả 03 lần lấy tiền tôi không có làm biên nhận, tổng cộng 03 lần lấy là 75.000.000đ. Vợ chồng anh V, chị Th làm được khoảng 6 tháng tới tháng 12/2018 (AL) thì ông có bán 20 cây cau lão cho người khác nên lúc đó vợ chồng anh V, chị Th có kêu ông đến nhà để nói chuyện, lúc đó ông có khắc phục bằng

cách tăng thêm cho vợ chồng anh V, chị T thời gian thuê 01 năm nữa mà không tính tiền nếu quy ra tiền là 20.000.000đ. Lúc đó vợ chồng anh V chị T có lấy giấy ra viết giấy thuê đất cho ông ký tên vào, trong giấy thuê đất có ghi thời gian thuê là từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2023 (Âm lịch), thời gian thuê này là có tính luôn thời gian ông bù (bồi thường) thêm cho vợ chồng anh V, chị T nên trong giấy thuê đất chị T ghi thời hạn thuê là 05 năm từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2023(AL). Ông xác nhận ông có ký tên vào giấy thuê đất mà anh V, chị T nộp cho Tòa án và ông có đọc kỹ.

Đến đầu năm 2019 thì ông có bán cho chị Lê Thị H 1 bang đất lúc đó ông cũng có ý kiến sẽ bồi thường cho vợ chồng anh V, chị T 75.000.000đ những vợ chồng anh V, chị T không đồng ý nên yêu cầu ấp hòa giải nhưng không thành, hiện tại phần đất của ông thì ông đã lấy lại sử dụng rồi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nay ông Lê Văn Đ có ý kiến thống nhất trả lại cho vợ chồng anh V, chị T số tiền thuê đất là 75.000.000đ. Đối với số tiền 20.500.000đ là chi phí mướn người làm thì ông không thống nhất trả.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Lê Thị H trình bày: Vào cuối năm 2019 ông Đ có kêu bà mua một bang đất rẫy, hiện đã sang tên cho bà, việc ông Đ cho vợ chồng anh V thuê đất như thế nào thì bà không biết, nay bà không có yêu cầu.

- Ông Huỳnh Văn H và bà Lý Thị Ph trình bày: Vợ chồng ông bà là người làm công trên phần diện tích đất để tu sửa và bón phân chăm sóc hoa màu trên rẫy mà ông V thuê của ông Đ. Ông không nhớ là được bao lâu vì khi làm thì không xuyên suốt nhưng anh V trả cho tôi mỗi ngày làm là 300.000đ ngoài tôi và vợ tôi bà Lý Thị Ph thì còn 02 người cháu ông làm cùng là Võ Thị Đ, và anh Danh Cơ L. Khi anh V trả tiền thì anh V trả trực tiếp cho ông sau đó ông trả lại cho những người khác. Ông không nhớ cụ thể mỗi lần trả nhưng anh V trả cho ông được 04 lần với tổng cộng số tiền là 20.500.000đ.

- *Tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Văn H và bà Lý Thị Ph có ý kiến*: Do ông chỉ là người làm công nên ông bà không có ý kiến việc tranh chấp là của vợ chồng anh V với ông Đ.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân

sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, sự có mặt của thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng;

Đối với đương sự: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông Lê Văn Đ trả cho vợ chồng anh V, chị T số tiền thuê đất là 75.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] – Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Diệp Hoài V, chị Phạm Thị T khởi kiện được thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Nguyên đơn anh Diệp Hoài V và chị Phạm Thị T xác nhận vào tháng 6/2018 (âm lịch) thì vợ chồng anh chị có thuê đất của ông Lê Văn Đ 02 bang đất rẫy, mục đích là vào chăm sóc cây cau, dừa, khóm của ông Đ đã trồng sẵn để hương hoa lợi trên đó nhưng trong quá trình thuê thì ông Đ đã lấy đất bán cho người khác, vợ chồng anh chị yêu cầu ông Đ trả lại tiền thuê là 75.000.000đ và chi phí thuê người làm số tiền là 20.500.000đ, tổng cộng là 95.500.000đ . Do đó quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là: " *Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản* ", được quy định tại Điều 483 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] - Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Lê Văn Đvà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà H.

[4] - Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn chị Phạm Thị T, anh Diệp Hoài V và bị đơn ông Lê Văn Đ xác nhận, vào tháng 6 năm 2018 (AL) ông Đ có cho vợ chồng anh V, chị T thuê 02 bang đất rẫy, diện tích khoảng 10 công tầm cắt để vợ chồng anh V, chị T vào chăm sóc cây cao, cây dừa, khóm...để hưởng hoa lợi trên đó. Hai bên thống nhất thời hạn thuê là 04 năm, thời gian từ tháng 6 năm 2018 âm

lịch, chỉ giao dịch bằng lời nói, giá thuê 1 năm là 20.000.000đ, tổng cộng số tiền là 80.000.000đ nhưng ông Đ chỉ nhận của vợ chồng anh V 75.000.000đ do ông Đ giảm 5.000.000đ tiền múc xìn. Đến tháng 12/2018(AL) ông Đ có bán 20 cây cau lão cho người khác nên vợ chồng anh V, chị T yêu cầu ông Đ bồi thường, do đó ông Đ đồng ý tăng thêm thời gian thuê cho vợ chồng V 01 năm mà không nhận tiền, lúc đó vợ chồng anh V mới lấy giấy ra viết hợp đồng thê và ghi thời hạn thuê là 5 năm thời gian từ tháng 6 năm 2018 (AL) đến tháng 6 năm 2023(AL).

Đến đầu năm 2019 (AL) thì ông Đ lấy 01 bang rẫy bán cho người khác nên 02 bên xảy ra tranh chấp. Ông Đ có ý kiến trả tiền cho vợ chồng anh V, chị T số tiền 75.000.000đ nhưng vợ chồng anh V, chị T không đồng ý. Đối với diện tích đất và tài sản trên đất hiện nay ông Đ đã lấy lại để canh tác, sử dụng nên các bên không yêu cầu nữa.

Nay anh Diệp Hoài V, chị Phạm Thị T yêu cầu ông Lê Văn Đ có trách nhiệm trả cho anh V, chị T tiền thuê khoán 75.000.000đ và 20.500.000đ chi phí chăm sóc, cải tạo đất.

Về phía bị đơn ông Lê Văn Đ không có mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/9/2020 ông Đ thống nhất trả lại cho vợ chồng anh V, chị T số tiền thuê đất là 75.000.000đ đồng mà ông nhận của vợ chồng anh V.

[5] – Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu ông Lê Văn Đ trả lại tiền thuê khoán số tiền là 75.000.000đ và 20.500.000đ tiền chi phí thuê người cải tạo, chăm sóc hoa cây cối, hoa màu trên đất, HĐXX nhận định như sau:

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ cơ sở xác định vào tháng 6/2018 (AL) vợ chồng anh V, chị T có hợp đồng miệng để nhận thuê khoán đất và tài sản trên đất của ông Lê Văn Đ thời hạn là 04 năm tính từ tháng 6/2018(AL), giá thuê là 20.000.000đ/01 năm, tổng cộng số tiền là 80.000.000đ, vợ chồng anh V, chị T đã đưa cho ông Đ số tiền 75.000.000đ (do ông Đ bớt 5.000.000đ).

Đến tháng 12/2018 (AL) thì ông Đ có bán 20 cây cau cho người khác nên ông Đ đồng ý bồi thường cho vợ chồng anh V, chị T thêm 01 năm nữa mà không nhận tiền thuê khoáng và làm hợp đồng thuê khoán thời hạn là 05 năm tính từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2023 (âm lịch) thì hết hạn. Nhưng đến đầu năm 2019 (AL) thì ông Đ đã lấy đất bán cho người khác nên 02 bên xảy ra tranh chấp. Hai bên thỏa thuận thời hạn thuê khoán lúc đầu là 04 năm, nhưng sau đó do ông Đ bán 20 cây cau thì ông Đ mới bồi thường thêm cho vợ chồng anh V thêm 01 năm nữa và 02

bên làm giấy thuê là 05 năm. Mặc dù đây là sự thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện của 02 bên nhưng thực tế vợ chồng anh V, chị T chỉ đưa tiền cho ông Đ số tiền là 75.000.000đ và 02 bên quy ra bằng 04 năm thuê khoán, còn 01 năm nữa thì vợ chồng anh V, chị T chưa đưa tiền cho ông Đ. Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng anh V, chị T chỉ yêu cầu ông Lê Văn Đ trả số tiền thuê đất 75.000.000đ và ông Đ cũng thống nhất trả cho vợ chồng anh V, chị T số tiền này. Xét thấy việc thỏa thuận là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] - Đối với số tiền 20.500.000đ là chi phí thuê người làm để cải tạo, chăm sóc đất mà nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả cho nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận, bởi vì anh V, chị T là bên thuê khoán thì phải có trách nhiệm chăm sóc, cải tạo tài sản mà mình nhận thuê khoán. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay ông H, bà Ph có xác nhận trước thời điểm tháng 4/2019(Al) thì vợ chồng ông bà có hái dừa, cau, khóm cho vợ chồng anh V bán để thu hoa lợi, đều này chứng minh vợ chồng anh V có hưởng lợi trên tài sản của mình đã thuê, mặc khác vợ chồng anh V không giấy tờ gì chứng minh về vấn đề này.

[7] – Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tiền thuê đất đối với số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

[8] - Xét về kiến nghị của vị đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị HĐXX xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

[9] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sự dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị đơn ông Lê Văn Đ chịu tiền án phí trên số tiền 75.000.000đ x 5% = 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vợ chồng anh V, chị T phải chịu án phí trên số tiền bị bác là 20.500.000đ x 5% = 1.025.000đ nhưng anh V, chị T được khấu trừ vào số tiền phí đã nộp 3.012.000 theo biên lai thu số 0002234, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả cho vợ chồng anh V, chị T số tiền án phí là 1.987.000đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39 ,147, 157, 165, 228, 266 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 483, 484, 486, 487, 489, 491 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sự dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Diệp Hoài V và Phạm Thị T.

Xử:

1. Buộc ông Lệ Văn Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Diệp Hoài V và chị Phạm Thị T số tiền thuê đất là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ trả số tiền 20.500.000đ là tiền thuê người cải tạo đất và chăm sóc tài sản trên đất.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Lê Văn Đ chịu tiền án phí trên số tiền 75.000.000đ x 5% = 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vợ chồng anh V, chị T phải chịu án phí trên số tiền bị bác là 20.500.000đ x 5% = 1.025.000đ nhưng anh V, chị T được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 3.012.000 theo biên lai thu số: 0002xxx, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả cho vợ chồng anh V, chị T số tiền án phí là 1.987.000đ đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.